TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 118/2023/QĐST- HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 27 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thông**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu N, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Trần Đại Nghĩa**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu N, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83, 107; 110; 116 và Điều 117 của luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tvà anh Trần Đại Nghĩa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 09/11/2016. Anh Trần Đại Ncấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 8/2023 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kì hàng tháng.

Anh Trần Đại Ncó quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

2.2. Về tài sản chung; Quyền, Nvụ chung về tài sản; công sức: Chị Tvà anh Nkhông đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ttự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn và tự nguyện nộp thay anh Trần Đại N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Tđã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0008129 ngày 15/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND x.T, h.C;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hán Hưởng